

BẢN LUẬN QUYỂN 26

Thứ hai, là Xứ Du-già, văn chia làm hai:

1/ Văn xuôi và Bài Tụng, nêu chung mười chín câu hỏi.

2/ Dựa theo thứ lớp câu hỏi để giải thích.

Câu thứ năm trong bài tụng nói: “Sư Du-già tác tu”, trong đó có hai giải thích:

a/ “Sư Du-già sáng tác tụng ở trước, Văn xuôi đã sáng tác câu hỏi thứ mười. Câu hỏi thứ mười một của Bài Tụng Du-già có bao nhiêu thứ tu tức câu hỏi thứ mười hai của Bài Tụng về tu”.

b/ Theo kinh, luận khác, thì bài Tụng ở trước Văn xuôi, chưa hẳn là thứ lớp. Vì thế nên văn bài Tụng này kết Văn xuôi trước, không thuận với thứ lớp, vì tùy theo lời nói thuận tiện. Cho nên Tụng của Sư Du-già là câu hỏi thứ mười một; soạn tụng, câu hỏi thứ mười: Tu tụng là câu hỏi thứ mười hai. Dựa vào trong giải thích, có mười bảy đoạn. Trước giải thích về phẩm loại sai biệt của Bồ-đặc-già-la, trong đó, nêu ra danh số, giải thích hai mươi tám người.

Đầu tiên, giải thích về người độn căn: người này có cả Học, Vô học. Độn căn này lại có hai hạng:

1/ Năm thứ tánh trước của độn căn từ xưa đến nay.

2/ Chưa thể chuyển căn thành thứ sáu, lợi căn cũng có cả Học, Vô học. Lợi căn này cũng có hai hạng:

1- Bản tánh bất động.

2- Khách Tánh bất động.

Kế có năm người như tham tăng v.v... và bình đẳng. Sáu người này có cả người chưa nhập Thánh và đã nhập chủng tánh Thanh văn.

Hương có hai hạng:

1- Thứ đệ hương.

2- Siêu việt hương.

Về quả cũng có hai:

1- Quả thứ đệ.

2- Siêu việt.

Lấy quả thứ hai, thứ ba, trừ quả đầu.

Y cứ ở hạnh có siêu việt. Lại, có siêu việt, là lấy La-hán, tức dứt chung tu hoặc của chín địa.

Thời giải thoát thứ chín trụ ở quả thứ tư. Trong giáo lý của Tiểu thừa không có việc đó.

Người tùy tín hạnh. Người này ở kiến đạo trở xuống, tu giai vị bảy

phương tiện. Tùy pháp hạnh cũng thế. Nếu nhập Kiến đạo, thì gọi là vô tướng hạnh, không đồng với phái Tát-bà-đa ở kiến đạo từ gốc đặt tên, gọi là Tùy tín, pháp hạnh. Lại đồng với bốn địa vị Hiện nhẫn của Luận Thánh Thật, gọi là tùy tín hạnh v.v...

Nhập thánh, gọi là Vô tướng hạnh. Luận Đối pháp chép: “Thông qua Kiến đạo, gọi là tín pháp hạnh, thuận với Tát-bà-đa.

Luận Trí Độ nói: “Kiến đạo, gọi là Vô tướng hạnh, đồng với Bát-ma nói, tức tùy tín hạnh trước, lúc trụ quả, gọi là Kiến trí. Hai người này từ căn lập danh hiệu, gọi là Tín căn và Tuệ căn”.

Thân chứng. Nghĩa là vô tâm thứ tám trong tám giải thoát, dựa vào thân mà chứng.

Giải thoát thứ ba thành tựu ở thân, gọi là thân chứng, do vượt hơn ba địa vị trước. Lại, rốt ráo của giới địa không được đem làm thể lệ chung cho năm giải thoát còn lại.

Người thân chứng được năm giải thoát, cũng có thể chứng sắc v.v... kia và “duyên” chân như sắc v.v... mà không bằng “câu giải thoát”.

Cực thất phản Hữu. Nghĩa là người được Sơ quả rồi, không dứt “tu hoặc”, trừ thân mới đắc đạo, lại thọ thân người, trời, đều qua, lại sinh tử bảy lần, gọi là “cực thất hữu”. Trời tự có bảy, người có sáu, Trời sáu, người năm v.v... Không đây bảy hữu mà được Niết-bàn. Nay, vì y cứ ở những lần rất nhiều, gọi là Cực thất phản hữu.

Thân đầu tiên của bảy hữu, được gọi là dừng ở bờ mé khổ.

Nói dứt ba kiết được Dự Lưu. Nghĩa là chỉ dứt trừ ba kiết đoạn, mà không dứt trừ thân kiến của tu đoạn. Nên cắt đứt ba phược (trói buộc), cũng dứt Tùy chuyển, mà thành pháp không có đọa, pháp không có đọa vào đường ác.

Những pháp này, như Luận Thành thật nói: “Gồm có mười bốn sinh, vì không thừa nhận Trung hữu”. Đại thừa và Tát-bà-đa nói có hai mươi tám sanh phải thọ trung hữu.

Gia gia: Nghĩa là như Tạp Tâm nói: “Nếu dứt trừ ba, bốn thứ, sẽ thành tựu đối trị kia. Hai sinh còn lại gọi là Gia gia. Nghĩa là nếu dứt trừ ba phẩm, sẽ có. Nếu dứt bốn phẩm thì có hai đời. Số chung của người, trời, chỉ có bảy đời; số riêng của người, trời có mười bốn đời.

Nay, lại y cứ ở bảy sinh của số hợp chung để lập pháp. Tu hoặc của cõi Dục có chín phẩm kia:

- 1/ Một phẩm tổn nhuần hai đời.
- 2/ Thảm nhuần chung hai đời.
- 3/ Phẩm chỉ tổn nhuần một đời.

- 4/ Cùng tổn nhuần một đời.
- 5/ 6/ Tổn nhuần chung một đời
- 7/ Một phẩm chỉ tổn nhuần nửa đời.
- 8/; 9/ Cùng tổn nhuần nửa đời.

Nay, dứt trừ phẩm đầu trong chín phẩm, tổn hai đời, còn có năm đời. Nếu dứt phẩm thứ hai, thứ ba, hoặc lại tổn hai đời, còn có ba đời. Nếu dứt phẩm thứ tư, lại tổn một đời, hai đời khác. Nếu dứt ba, bốn phẩm thì hai đời, ba đời còn lại là gọi là Gia Gia. Nếu dứt phẩm thứ năm, thì trong một đời tất nhiên đoạn phẩm thứ sáu. Lại, tổn một đời, một đời khác, gọi là quả Nhất lai.

Gọi là một lần qua lại kia. Là y cứ vào mười bốn sinh để nói, nếu y cứ bảy đời mà luận, thì, hoặc gọi là một lần qua. Trong người, được quả thứ hai; một lần sanh lên cõi trời, tức nhập Niết-bàn. Nếu được sinh lên cõi trời lần thứ hai, thì chỉ một lần đến trong cõi người là nhập Niết-bàn. Nếu dứt phẩm thứ bảy, thì chỉ tổn nửa đời, trong mười bốn đời chỉ tổn một đời. Vì dứt hai phẩm tám, chín cùng tổn nửa đời trong bảy đời. Trong mười bốn đời chỉ tổn một đời. Vì hoặc của hai phẩm tám, chín chỉ gọi là một chủng tử, nên biết phẩm trên trong ba phẩm dưới chỉ nhuần tổn, phẩm trung, hạ đều bị tổn, tức giống với ba phẩm trên, ba phẩm Trung.

Hoặc phẩm thượng chỉ thãm nhuần, tổn riêng; phẩm Trung, hạ thãm nhuần tổn chung, do việc dứt “hoặc” của ba phẩm trên, vẫn còn có ba đời. Cho nên biết phẩm Trung có ba, phẩm Trung thượng thãm nhuần, tổn riêng một đời. Dứt năm tức dứt phẩm thứ sáu trong bảy đời, lại tổn một đời. Cho nên, biết trong ba phẩm Trung, hai phẩm hạ Trung, đều có một đời thãm nhuần, tổn chung của hai phẩm Hạ, trung. Như phẩm Trung thượng của ba phẩm Trung, nhuần thãm, tổn riêng một đời; phẩm Trung, Hạ tổn, thãm nhuần chung một đời. So sánh biết được sức phẩm Thượng trong ba phẩm trên mạnh hơn trong bảy đời, nhuần thãm, tổn riêng hai đời. Sức của phẩm trung hạ yếu hơn hai đời tổn, thãm nhuần chung. Trong đó, chỗ nguyện cầu sở dĩ phó thác ở sức mạnh, yếu mà thông suốt qua.

Bậc Thánh nhằm chán chỗ sinh, nên ở chỗ một nhà xuất hiện, đặc biệt không còn sinh. Nếu sinh trong loài người thì từ một nhà đến một nhà để thọ hai đời, ba đời, đều thay đổi cha, mẹ, không chịu sinh lại, không bỏ chỗ chủ trương đồng tánh. Hai nhà Đông Tây phô trương riêng, cũng được sinh lại. Thọ sinh trong cõi Trời, nhà trời rất nhiều, hoặc hay đổi loại Tứ Thiên vương để thọ sinh, hoặc đổi thay trong sáu

loại trời trên, dưới để thọ sinh. Phải biết rằng hai gia gia của người Trời này dù thọ sinh trong nhất lai hưởng, nhưng vì kèm theo Sơ quả nên gọi là Dư Lưu.

Tạp Tâm cũng nói: bậc Tu-đà-hoàn vượt hơn gọi là Gia gia, vì lên dứt hoặc kinh sanh, hơn kia trụ quả kinh sanh gọi là Thắng. Pháp sư Thái nói: “Trường phu nhân, Thiên gia Tây phương có hai thuyết.

Luận sư Nan-Đà nói: “Hoặc đi, hoặc đến hai cõi người, trời”

Luận sư Giới Hiền nói: “Gia gia hai lần thọ sinh, chỉ hai lần thọ sinh qua lại trên cõi trời. Ba lần thọ sinh, y theo đây.

(Hỏi: “Đoạn” “hoặc” của phẩm một, hai là từ gia đến gia. Vậy, vì sao không gọi là Gia Gia?”

Đáp: Xưa nói Gia gia có bốn

1- Dứt một trụ tám.

2- Dứt hai trụ bảy.

3- Dứt ba trụ sáu.

4- Dứt bốn trụ năm.

Pháp sư Huyền Trang nói: Giải thích này không đúng, theo kinh Đại phẩm thì chỉ dứt một hai phẩm là người trung gian, khiến có bốn thứ, Tu-đà-hoàn y theo dị thuyết nào gọi là Gia gia. Pháp sư Hưng nói nếu người chứng quả Dự Lưu dứt được ba phẩm vượt hơn quả Dự lưu, thì gọi là Gia Gia. Nhưng nếu người kia đã không có vượt hơn, thì thuộc về Bất tịnh rồi, nên không gọi là Gia Gia.”

Nhất gián. Nghĩa là chỉ được một lần thọ sinh là đã gián cách, vì không được Niết-bàn, nên gọi là “Nhất gián”. Gian là xen hở, ngăn cách. Xưa gọi là một hạt giống, là không đúng. Vì lẽ, dựa theo bản Phạm nói: “É-ca-tỷ-thân Ca, có thể nói rằng một hạt giống, nhưng ở đây nói “É-ca-tỷ-chỉ-ca, Hán dịch là “nhất gián”, cho nên, không được nói là một hạt giống.”

Trong mỗi người này được quả Nhất lai, tiến đến dứt “hoặc” của phẩm thứ bảy. Dứt “hoặc” của hai phẩm thứ tám, thứ chín, chỉ “hoặc” của phẩm thứ chín đã thấm nhuần nghiệp trời, nên chỉ thọ một thân trời, liền nhập Niết-bàn. Lại, không trở lại đời sống sau trong loài người, nên gọi là Nhất gián.

Trong đây, là y cứ ở người được quả Nhất lai sanh lên cõi trời, nhập Niết-bàn. Nếu ở trên cõi trời được quả Nhất Lai thì sanh xuống loài người chỉ thọ một thân, liền nhập Niết-bàn, gọi là Nhất gián.

Nói “Dứt hẳn phẩm thượng, phẩm trung.” Gom chín thành ba phẩm thượng, trung, dứt hết nên nói là dứt phẩm Thượng Trung. Đối

với triển phẩm hạ sinh chưa dứt hết, gọi là còn thừa.

Ba người của Trung bát phẩm Hạ:

1/ Người lợi căn, mới bỏ tử uẩn cõi dục.

2/ Lại Đến trong mười sáu xứ cõi Sắc, tùy một Trung hữu hiện ở trước, liền dứt trừ “hoặc” thừa mà nhập Niết-bàn. Đây là Niết-bàn Hữu Dư .

3/ Người thứ ba chưa dứt trừ kiết còn thừa, mà không tự biết, chỉ thọ ý chi Trung hữu qua đến Sinh hữu. Theo Tạp Tâm nói: “Ba thứ Trung bát đều thu hưởng sinh hữu.

1- Cõi Dục không xa. Thì nhập Niết bàn hữu dư

2- Hành phân nữa.

3- Lên đến cõi Sắc, mới nhập Niết bàn Hữu Dư. Vì chưa dứt kiết, mà không tự biết, nên đều thu hưởng sinh hữu.

Sinh Bát. Nghĩa là ở mười sáu xứ cõi Sắc và Bốn Không Địa, tùy sinh bất cứ một xứ nào, nhanh chóng dứt trừ kiết thừa, liền nhập Niết bàn Hữu Dư. Vô hành tức đạo Thánh vô công dụng hiện ở trước vượt hơn, nhờ vào sức tác dụng hữu hành bát, mới thu hưởng, nên ở trước hữu hành bát, không thể mới sinh, tức dứt phiền não, nhanh chóng nhập Niết-bàn, nên Sinh Bát về sau mới nói. Ở đây đồng với Câu-xá: “Vô hành là vượt hơn”, không đồng với Tạp Tâm nói: “Hữu hành bát là vượt hơn”. Hữu Hành Bát dù không có đạo tinh tấn nhanh chóng, nhưng đạo phương tiện siêng năng, gọi là “Hữu Hành”. Người vô hành bát, cả hai tu đều không có, gọi là không có hành, vì kém nên về sau sẽ nói.

Thượng lưu có hai:

1- Ưu tuệ. Tạt tu tính lự, vì có huân tu nghiệp, nên đến Sắc cứu cánh là tốt đỉnh.

2- Ưu Định. Không có tạt tu nghiệp, sinh về cõi Vô Sắc, đến Phi Tưởng là cùng cực. Nhưng hai người này đối với Sắc cứu cánh, hoặc đối với phi tưởng, có người hoàn toàn vượt qua phân nữa, vượt kịp Nhất thiết xứ rồi mất.

Người được thời giải thoát chung cho cả năm chủng tánh, người này căn độn vì phải chờ đợi thời gian mới được giải thoát, nên gọi là thời giải thoát. Năm người, như văn, theo thứ lớp phối hợp.

Bất động, tức người căn trên hết thứ sáu, không bị duyên khác như phiền não v.v... làm dao động, nên được gọi là Bất động.

Người được tuệ giải thoát, như luận Bà-Sa nói: “Tự có tuệ giải thoát dựa vào định Vị chí, có khả năng dứt hết các lậu, nhưng không có khả năng nhập tám định căn bản. Hoặc có người dù nhập một, hai, ba,

bốn Tĩnh lực căn bản mà vẫn không thể nhập định của Bốn Vô sắc, cho đến hoặc có khả năng khởi nhập định căn bản mà không thể khởi Diệt Tận giải thoát. Trong đây cũng thế, cho nên nói rằng: “Đối với tám giải thoát, chưa có năng lực thân chứng đầy đủ, an trụ, gọi là tuệ giải thoát.

Câu Giải thoát. Nghĩa là chướng phiền não và giải thoát đều hết, gọi là “Câu giải thoát”.

Chướng Phiền não tức Kiến, tu phiền não của chín địa. Giải thoát chướng: Tức tánh không thành tựu tám giải thoát.

Luận Đối Pháp Quyển mười ba chép; “Sự khác nhau của Bồ-đặc-già-la có hai mươi bảy, đó là: Tín giải, Kiến chí, Nhân chứng, tuệ giải thoát, Câu giải thoát, Dự lưu hương, quả Dự Lưu, Nhất lưu hương; quả Nhất lai, Bất hoàn hương, quả Bất hoàn, La-hán hương, quả La-hán, Cực thất phản hữu, Gia gia, Nhất quán, Trung Bát Niết-bàn, Sinh Bát Niết-bàn, Vô hành bát Niết-bàn, Hữu hành bát Niết-bàn, Thượng lưu bát Niết-bàn, La-hán Thối pháp, La-hán Trụ bất động, La-hán Kham Đạt, và La-hán Bất Động.”

Luận Hiền Dương quyển ba thì nói có hai mươi chín, tức thêm Tùy tín hạnh và Tùy pháp hạnh. Hai mươi chín người kia, tức trừ chín người trong hai mươi tám người. Số còn thừa thuộc về mười chín người sau.

Nếu theo Tát-bà-đa thì có hai mươi bảy thứ lấy, bỏ hơi khác, như luận Thuận Chánh Lý, quyển sáu mươi lăm chép: “Ruộng phước có hai: 1/ hữu học; 2/ Vô học. Hữu học có mười tám, nghĩa là bốn hương; ba quả, tức là bảy. Và Tùy Tín, Tùy Pháp, Tín Giải, Kiến Chí, Gia Gia, Nhất Giác; Trung Hữu; Sinh Hữu; Hành, Vô Hành và Thượng Lưu gọi là mười tám.

Vô học có chín, nghĩa là Thối Pháp, Tư Pháp, Hộ Pháp, An Trụ, Kham Đạt, Bất Động, Bất Thối tuệ và Câu Giải Thoát, gọi là chín, Hữu Học, Vô Học hợp thành hai mươi bảy.

Theo Kinh Bộ cuối, Luận sư Thành Thật, thì các vị Hiền, Thánh này cũng có khác nhau. Phẩm Hiền, Thánh thứ hai Luận Thành Thật chép: “Hữu học mười tám, vô học chín”

Hữu học mười tám là:

1/ Tùy Tín Hạnh ở giai đoạn Văn, Tư.

2/ Tùy pháp hành ở bốn thiện căn.

3/ Vô tướng hạnh, tức hai người trước nhập Kiến Đạo.

- Ba người này gọi là Dự Lưu Hương.

4/ Quả Tu-đà-hoàn.

5/ Nhất lai hương.

6/ Quả Nhất lai . 7/

Bất hoàn hưởng. 8/

Quả Bất hoàn.

- Quả Bất Hoàn có mười một vị:

1/ Trung Bác.

2/ Sinh Bác.

3/ Hữu Hành Bát.

4/ Vô Hành Bát.

5/ Ưu Định.

6/ Ưu tuệ.

7/ Chuyển thế.

8/ Hiện Bát.

9/ Tín Giải.

10/ Kiến Chí.

11/ Thân Chứng và bảy người trên, hợp thành mười tám, gọi là

Hữu Học.

Vô học có chín:

1- Tướng Thối Pháp.

2- Tướng Thủ.

3- Tướng chết.

4/ Tướng trụ,

5/ Tướng khả tiến,

6/ Tướng Bất Hoại,

7/ Tuệ giải thoát,

8/ Câu giải thoát,

9/ Tướng bất thối.

Luận Trí độ nói Hữu học có mười tám, Vô học có chín. Hữu học

có mười tám là:

1- Tín hành,

2- Pháp hành,

3- Thất sanh,.

4- Gia Gia.

5- Trung Gian Hữu.

6- Hiện diệt.

7- Thứ Đệ Hưởng Hạnh.

8- Nhất Lai Quả.

9- Một Hạt giống Hữu.

10- Thứ Đệ Hưởng.

- 11- Hiện Bát.
 - 12- Trung Bát.
 - 13- Sinh Bát.
 - 14- Hữu Hành Bát.
 - 15- Vô Hành Bát.
 - 16- Ưu định Thượng Lưu.
 - 17- Ưu tuệ Thượng Lưu.
 - 18- Thân Chứng.
- Trên đây là Hữu Học.

Vô học có chín, đồng với Luận Thành Thật.

Trong đây dựa vào Tát-bà-đa, kinh Hiện Bát Đa chép: “Quả Bất Hoàn của Sinh Đắc cõi Dục một, không sinh cõi trên, vì hiện thân bác (nhập) nên gọi là người Hiện Bát. Hoặc tức nhập thân Thánh, không trải qua tử, sinh, được quả Bất Hoàn, hiện thân nhập diệt, gọi là người Hiện Bát, cũng gọi là chuyển thân, không đồng với xưa nói là chuyển thế, thuộc về Bất định. Ở trong cõi không có nghiệp định, chỉ có thuận với bất định nghiệp của ba cõi, chỗ duyên hợp, thì được nhập, nên gọi là Bất định. Vì đã bất định, nên cũng không lập riêng.

Bất hoàn của Vô Sắc kia, nghĩa là trừ người Trung bát thuộc bốn người còn lại trong năm Bất hoàn. Người bất định kia, có cả năm Bất Hoàn.

Theo Luận Thành Thật, Bất Hoàn của Vô Sắc có cả Tín giải, Kiến chí.

Giải thích về Bất định có hai:

1/ Chuyển thế Bất định, tức người bảy đời, không đủ bảy đời, nhập Niết-bàn v.v...

2/ Thượng Lưu bất định. Vì đối với ưa tuệ, ưa Định, đều không nhất định (trong Đại thừa chưa thấy văn nào nói).

Pháp sư Tuyền nói: “Trai qua sinh cõi dục, được quả Bất Hoàn, gọi là bất định. Nếu nhập thân Thánh tức là nhập Niết-bàn, gọi là Hiện bát. Về lý, thật sự nên nói.”

Trong hai mươi bảy vị lược qua không nói. Tương truyền từ xưa đến nay, y cứ vào năm hạng Bất hoàn hiện hữu để phân biệt lợi, độn khác nhau.

Ngài Tam Tạng nói: “Năm hạng Bất Hoàn đều có sáu thứ chủng tánh khác nhau, khó nhất định lợi, độn (Nhạy bén, chậm lụt).

Từ đây trở xuống là phần thứ hai, trong kiến lập: Trước là nêu chung; kế là giải thích; sau kết.

Ngài Tam Tạng nói: “Dù có mười một đạo lý, nhưng không ngoài chín, bởi vì chúng sai biệt, vì hành tích cũng thuộc về sự khác nhau của đạo quả”.

Luận sư Cảnh nói: “Trong mười một người này, chẳng phải là nói hai mươi tám hạng người trên sự kiến lập kia, mà là nói chung về nghĩa kiến lập đa số người. Trong khác nhau của giải hành.”

Rằng, lại triển tham này trụ ở trong thân, chúng nối tiếp nhau qua thời gian lâu, cho đến bị pháp đáng yêu chế phục, không thể chế phục pháp đáng yêu kia. Trong đây ý nói vì bị tham trói buộc, bị cảnh chế phục tâm, chứ chẳng phải tâm có khả năng khuất phục cảnh. Như tham phẩm hạ, sân, mạn phẩm trung, văn y cứ theo đây nên giải thích.

Dưới đây, trong giải Thích-câu hỏi rộng, phần của bạc Trần hành giả không giải thích v.v... vì ở trên đã nói, lại vì sơ lược, nên không nói.

Trong giải thích về sự khác nhau của nguyện, đầu tiên, là hỏi, kế là giải thích; sau kết.

Trong giải thích có bốn:

1/ Nói về phát nguyện của Ba thừa khác nhau.

2/ Nói về người phát nguyện Ba thừa, mỗi nguyện đều chung cho căn tánh của ba thừa.

3/ Nói về tánh nhất định của Thanh Văn, dù phát Độc giác và nguyện của Đại thừa, những về sau, nhất định sẽ trở lại bỏ Độc giác và nguyện của Đại thừa, bám trụ vào nguyện của Thanh văn. Độc giác của tánh nhất định và căn Đại thừa, nên biết cũng như thế. Nhưng trong văn này chỉ nói về ba thừa của tánh nhất định, không nói về người có tánh bất định, một người thành hai, thành tánh của ba thừa. Gặp duyên liền tỏ ngộ Thánh đạo v.v... của thừa kia, nghĩa là sơ lược.

4/ Phân biệt về lấy nghĩa của địa, rằng, nay, trong nghĩa này, phải biết rằng, chỉ nói về chủng tánh v.v... của Thanh Văn, nguyện của thừa Thanh văn. Pháp sư Thái nói: “Ba thừa đều có tánh định, bất định nhưng vì biện biệt về địa Thanh văn trong nghĩa này, nên chỉ nói về chủng tánh của Thanh văn.”

Luận sư Cảnh nói: “Chỉ nói nguyện của người Thanh văn.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: chỉ lấy người có chủng tánh nguyện của Thanh văn, trong giải thích Gia hạnh, Pháp sư Cảnh nói “Do thấy gia hạnh ở trước có khác, nay ở kiến đạo, từ phương tiện kia lập hai người Tín, Pháp. Trong kiết nói chỗ nêu nghĩa là đã nêu mười một đạo lý. “Đã mở bày là giải thích.

Thứ ba, trong sở duyên (đối tượng duyên), trước chia ra bốn chương; kế giải thích, sau là kết.

Trong giải thích đầy khắp, trước là hỏi, kế là giải thích; sau là kết.

Trong giải thích, trước là giải thích về bốn câu đối tượng duyên đầy khắp. Kế là giải thích riêng về bốn trường hợp khác của kinh. Sau dẫn hai bài tụng trong kinh để chứng thành.

Trong phần trước, trước là nêu, kế là giải thích, sau kết thành đầy khắp.

Trong phần nêu bốn đối tượng duyên:

1/ Hữu phân biệt ảnh tượng, đây là Noãn v.v... cảnh của bản chất giống với tướng phần sở duyên của tuệ trong định, gọi là ảnh tượng. Phân biệt tánh của tuệ, gọi là phân biệt ảnh tượng.

2/ Vô phân biệt ảnh tượng, tức là nhuuyến v.v... định vô phân biệt của tướng phần tâm định, gọi là vô phân biệt ảnh tượng.

3/ Tánh biến tế của sự . Nghĩa là phần vị ở Kiến đạo đã duyên Chân như, gọi là tánh biến tế của sự .

4/ Việc phải làm đã làm xong. Nghĩa là địa vị ở Vô học, đối với ba cảnh trước đều được tự tại, gọi là việc làm đã xong.

Trong giải thích riêng dưới đây, được chia làm bốn đoạn:

I. Trong giải thích Hữu phân biệt ảnh tượng: Trước hết nêu Văn, Tư: lắng nghe chánh pháp của ba phương tiện trước, hoặc nghe bên Giáo Thọ sư v.v... làm đối tượng nương tựa; hoặc đối với chỗ thấy, nghe khác, trong đó phân biệt. Đối với sự sở tri, thì có “Đương tâm”, đồng phần ảnh tượng, dường như bản chất, gọi là đồng phần. Đây là ảnh tượng phân biệt, của đối tượng duyên (sở duyên) của tán tâm Văn, tư sinh đắc tuệ. Do đây làm duyên sinh ở địa Noãn v.v...

Nói “Do Địa Tam-Ma-Hý-Đa, Tỳ-bát-xá-na, hạnh quán sát phân biệt v.v... Nghĩa là lại dựa vào tuệ trong định Vị Chí, quán sát lực chọn ảnh tượng sở duyên trong tâm Văn, tư.

“Sự Sở tri” trở xuống, phát ra sự sở tri gốc của Văn, Tư ở trước, nghĩa là năm pháp quán dừng tâm; năm thiện xảo; sáu hạnh quán; Bốn Đế, gọi là sở tri.

“Sự Sở tri này v.v... “ trở xuống, là nói do nghe pháp với tâm tán làm duyên, khiến cho tác ý trong định kia hiện ở trước. Hoặc “duyên” giáo pháp mà khởi thắng giải; hoặc “duyên” giáo hạ đã giảng nói về sự sở tri mà khởi thắng giải.

Nói: “bấy giờ, người kia đối với sự sở tri, như hiện lãnh thọ thắng

giải mà chuyển” v.v... Nghĩa là do tiền phương tiện “duyên” sự sở tri, nay, ở trong định Noãn v.v... đối với sự sở tri, như hiện lãnh thọ.”

Hỏi: “Sở tri trong định như Noãn v.v... chỉ là ảnh tượng tùy tâm định khởi, vốn chẳng phải là bản sự sở tri của tâm tán, sao lại nói là đối với sự sở tri, như hiện lãnh thọ”

Vì giải thích vấn nạn này, nên kế ý đáp sẽ phải ở vào thời gian Noãn v.v... mà vốn là sự sở tri, dù chẳng phải là hoà hợp với sự lãnh thọ hiện tiền, cũng chẳng phải là vốn sở tri, vật loại khác lãnh thọ hiện ở trước. Nhưng do Thắng giải trong định, đã lãnh thọ vốn là sự sở tri của tâm tán, vì dường như ảnh tượng, nên nói là đối với sự sở tri, như hiện lãnh thọ. Do tướng phần của tâm định như Noãn v.v... này, giống như bản sự sở tri kia, gọi là ảnh tượng đồng phần của sự sở tri.

Người tu quán hạnh tìm kiếm ảnh tượng trong định, có lỗi của đức. Hiện vốn sở tri cũng có thể xét định công đức, lỗi lầm.

II. Trong giải thích vô phân biệt ảnh tượng: Trước giải thích ảnh tượng, sau giải thích tên gọi.

Nhận chấp tướng của ảnh tượng như thế. Xong, là nhắc lại hạnh Noãn ở trước vốn đã phân biệt, không còn quán sát, lựa chọn v.v... nữa, nghĩa là dùng Xa-ma-tha vận hành tâm vắng lặng, lại không tìm cầu lực chọn công đức, lỗi lầm, chỉ lấy chín thứ hành tướng để cho tâm được an trụ. Bấy giờ người kia tùy tâm quyết định có tướng phần riêng, trở thành đối tượng duyên của ảnh tượng vô phân biệt.

Giải thích tên gọi, có tám, cũng gọi là Tam-ma-địa khẩu v.v... Luận sư Cảnh nói: “Do “duyên” dòng định nối tiếp nhau của tướng phần trong mỗi niệm, như thức ăn dựa vào miệng, nối tiếp nhau vào bụng. Dù gọi là pháp, gọi là Tam-ma-địa khẩu. Như người nường vào cửa mà được ra vào. Như thế, tâm định dựa vào “duyên” ảnh tượng để nhập định, xuất định, nên gọi là môn Tam-ma-địa.”

Pháp sư Thái nói: Cảnh năng sinh ra tâm, như miệng bình phát ra vật, nên gọi là tướng của sự sở tri của miệng định, lấy định làm thể, gọi là thể phân biệt, làm cho sự hiểu biết rõ ràng sáng tỏ, nên gọi là quang ảnh (bóng sáng).

III. Giải thích Biến Tế của sự: Tất cả việc sở tri, thuộc về bốn Thánh Đế. Nay, trong Đại thừa Hư không phu Trạch diệt vì lấy “như” làm thể, nên đều thuộc về diệt Đế.

Trong tánh như sở hữu, trước là nói về Chân như, tức là “Lý như”. “Do bốn đạo lý” trở xuống, là nói về “sự như” kia. Nhưng “Tánh tận sở hữu” này và tánh “như sở hữu” có sáu môn không đồng nhau:

1/ Chỗ này nói: “Tánh tận sở hữu” là ngoài ắc uẩn, không còn có sắc nào khác. Ngoài bốn uẩn: như Thọ v.v... không còn có thọ v.v... nào khác”. Rằng: “Như Tánh sở hữu”, nghĩa là tánh chân như và tánh của bốn đạo lý như Quán đái v.v...

2/ Quyển tám mươi lăm chép: “Thế nào là do hai tướng quán sát tất cả tạp nhiễm, thanh tịnh?”

a/ Do tánh như sở hữu.

b/ Do tánh tận sở hữu.

Tánh như sở hữu. Nghĩa là đối với các hạnh, hoặc ái vị; hoặc tai họa lỗi lầm; hoặc xuất ly.

Tánh tận sở hữu. Nghĩa là ở trong các hạnh, tận sở vị hữu ái ; tận tất cả tai họa lỗi lầm và tận tất cả xuất ly.

3/ Theo quyển sáu mươi bảy chép: “Tận sở hữu là y cứ vào mười một trong, ngoài, thô, tế v.v... của ba đời, để nói. Hoặc “Như tánh sở hữu” là nối theo ở Chân như”.

4/ Quyển chín mươi ba chép: “Như Tánh sở hữu”, nghĩa là các pháp duyên sinh vô minh v.v... Với thể tánh, nhân quả lần lượt thích hợp với nhau. Và vì có nhân chưa dứt này, nên mới có quả chưa dứt kia. Vì nhân chưa dứt này sinh, nên quả chưa dứt kia sinh. Như thế gọi là “Như Tánh sở hữu”.

Tánh tận sở hữu. Nghĩa là các “duyên” như vô minh v.v... sinh ra hành, tất cả thứ tướng, như vô tri v.v... của mé trước vô minh kia.

5/ Luận Hiển dương quyển năm chép: “Tánh tận sở tri, nghĩa là cùng tận bờ mé của tất cả thứ sai khác trong pháp tạp nhiễm, thanh tịnh, gọi là nghĩa tận sở tri, như năm số uẩn, sáu số nội xứ, như thế v.v...”

Nghĩa như sở tri. Tức thật tánh Chân như trong pháp tạp nhiễm, thanh tịnh, gọi là nghĩa Như sở tri.

Lại, bảy thứ này, nghĩa là lưu chuyển Chân như cho đến chánh hạnh Chân như.

6/ Luận Đối Pháp quyển mười một chép: “Tánh tận sở hữu, là uẩn, giới, xứ. “Như Tánh sở hữu, nghĩa là Bốn Thánh Đế; mười sáu hạnh Chân như, tất cả hành vô thường; tất cả Hành Khổ; tất cả pháp vô ngã; Niết-bàn vắng lặng; không, vô nguyên; vô tướng”.

Hỏi: “Vì sao các giáo như thế không đồng?”

“Vì hai nghĩa “tùy” này không nhất định: hoặc chỉ tự tướng của phần nhiệm so sánh như quyển chín mươi ba nói; hoặc tướng hữu vi; vô vi, so sánh như quyển sáu mươi bảy nói. Vì các pháp không nhất định như thế, nên các Luận không đồng.

IV. Trong giải thích về đối tượng tạo tác thành xong:

“Ảnh tượng của các duyên tất cả tác ý đều được viên mãn, cho đến vì được “chuyển y”, nên vượt qua ảnh tượng v.v... Ý trong đây nói, hễ có vô phân biệt ảnh tượng, thì đều chưa chứng chân, vì đều có ảnh tượng.

Nhập Kiến đạo gọi là Tánh tận như sở hữu của việc Bờ mé. Nay, đến việc làm của Vô học đã thành xong, được “chuyển y”, chứng vô lậu viên mãn, siêu việt qua ảnh tượng, thì tâm vô lậu không có ảnh tượng.

Phân biệt “có” “không”, hoặc định, hoặc tuệ, văn của luận Đối Pháp dù có mà văn của ảnh tượng thì không. Người phương Tây giải thích có ba:

Tùy ý lấy nghĩa này, tâm vô lậu kia có ảnh tượng, rằng, giải thích văn này siêu việt qua ảnh tượng, nghĩa là Pháp hữu lậu siêu vượt này chấp ảnh tượng, chứ chẳng phải tâm vô lậu không có ảnh tượng.

Lại, không có nghĩa ảnh tượng, dùng văn này làm chứng. Rõ ràng như văn của Luận kia.

Văn này thì chứng minh rằng, nhân tâm vô lậu có quả của ảnh tượng, tâm vô lậu không có nghĩa ảnh tượng.

Trong đoạn kết nói rằng: “Sự hệ thuộc nhau của nhân, quả, nghĩa là ngay trong nhân hạnh này đã được quả là việc đã làm thành xong.”

Từ đây trở xuống, là phần thứ hai giải thích riêng bốn trường hợp của kinh khác, trong đó trước là nêu lúc gặp là hỏi. Sau, thuật minh về Phật đáp.

Hiệt-Lệ-Phạt-Đa, Hán dịch là “Ngộ thời”, vì được sinh vào đời có Phật. Về phần hỏi có ba câu:

- 1- “Vì sao mà “duyên” tâm trụ?”
- 2- Công dụng của pháp trụ tâm?
- 3- An trụ tâm khéo đầy đủ vào lúc nào?

Y cứ trong lời Phật đáp có ba:

- 1- Khen, răn, nghe.
- 2- Chính đáp.

Trong phần đáp ở trước chia ra bốn trường hợp, kể là giải thích; sau kết đáp lại ba câu hỏi. Chia ra bốn câu:

1/ Hoặc ưa tạo ra năm dừng tịnh hành phiền não. Hoặc ưa tu uẩn, xứ, giới, duyên khởi xứ, phi xứ thiện xấu. Hoặc ưa giải thoát các lậu của ba cõi. Vì có ý này, nên đối với “duyên” tương xứng an trụ tâm mình.

2/ Đối với duyên giống nhau, an trụ tâm mình.

3/ Đối với duyên không trái ngược, an trụ tâm mình.

4/ Đối duyên không xả tĩnh lự. Trong đây, hoặc ưa tịnh hạnh, cho đến khiến tâm giải thoát các lậu, nghĩa là đáp lại câu hỏi đầu tiên.

“Đối với duyên tương ứng an trụ tâm mình”. Trở xuống, là bốn câu đáp lại câu hỏi thứ hai. Dựa vào bốn câu này tu tập hoàn thành viên mãn, nên ở phần sau cùng, kết rằng: “Gọi là khéo an trụ,” lời đáp an trụ này là đáp lại câu hỏi thứ hai”.

Y theo giải Thích-câu đầu rằng, nếu ngu đối với nhân kia, trụ ở nơi khéo léo vì nhân môn nghĩa, nên luận đối pháp nói: “Thành tựu nhân giới, vì không thành tựu nhân v.v... Nên nói người ngu nhân, phải quán ở giới. Ngu duyên trụ xứ nghĩa là môn mười hai xứ y cứ ở cảnh giới của duyên tăng thượng, vì “duyên” môn sinh ra thức, cho nên người ngu duyên, nên quán về “xứ”. Nếu ngu vô thường, khổ, không, vô ngã, thì nên đối với duyên khởi xứ, phi xứ, thiện xảo. An trụ tâm mình. Nghĩa là duyên khởi định với nghĩa xứ, phi xứ trao đổi nhau: Khéo biết vô minh sinh ra hành; Hành sinh ra thức, cho đến sinh ra sinh, già, chết, gọi là ở nơi duyên khởi, khéo biết nhu nghĩa chân thật, kể cả khéo hành hay vẫn sinh thức v.v... cho đến sinh ra chi sinh, già chết của Người, Trời, gọi là “xứ”. Nếu cảm chi sinh, già chết của đường ác, thì gọi là “phi xứ”.

Vì thế, đối với duyên khởi và thiện xảo xứ, phi xứ, thì biết hữu vi, hữu lậu, Khổ, Không, kể cả Vô thường, Vô ngã.

Nếu một người ưa thông suốt và ưa giải thoát. Luận sư Cảnh nói: “Nghĩa là nếu người ưa thông suốt về nhân quả của thế, xuất thế và ưa giải thoát thân hữu lậu ba cõi v.v... thì đối với bốn Đế như khổ v.v... an trụ tâm mình”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nếu người ưa thông suốt, nghĩa là dứt trừ dục của cõi Dục. Lại nghĩa là nhập Kiến đạo và ưa giải thoát v.v... trở xuống, gọi là Tu đạo, thấy giống như duyên trụ trong tâm, ý nói rằng, Bí-sô kia ở trong tâm định. Đối với sự sở tri trước của tâm phân tán kia, vì muốn phân biệt, lựa chọn lúc tư duy quán sát khắp, do tâm phân tán ở trước đã có sức tăng thượng thấy, nghe, hay, biết, nên khiến tác ý của tâm định phân biệt mà khởi thắng giải.”

Hỏi: “Lúc tâm định khởi có đối tượng phân biệt tướng phần của tự tâm, không biết cảnh sở tri xưa của tâm tán, sao ở đây lại nói là tâm định phân biệt từng là sự sở tri?”. Vì đáp lại câu hỏi này, nên nói rằng: “Thức từ tâm định dù đối với sự sở tri ở trước, vẫn không thể hoà hợp với sự quán sát hiện ở trước. Nhưng vì tướng phần được biến ra trong tâm định giống với gốc nên được nói là phân biệt sự sở tri gốc.

Ở trên, y cứ sự sở tri, để nói về sự giống nhau rồi, dưới đây, lại đối với thời gian v.v... của thời gian, y cứ ở tâm năng quán nhằm nói về sự giống nhau; tức là công hạnh thường khởi chỉ, quán. Về sau, lại khởi lên giống như công hạnh trước, gọi là trụ giống nhau, tất cả thô nặng đều dứt mất, tùy theo được đối tượng nương tựa (sở y) xúc chứng thanh tịnh v.v... Đây là giải thích bốn thanh tịnh:

1/ Thân tịnh. Trong đây gọi là sở y (đối tượng nương tựa).

2/ Sở duyên (đối tượng duyên).

3/ Tâm.

4/ Trí Kiến thanh tịnh.

Thứ ba, dẫn hai bài Tụng của kinh để chứng thành nghĩa trước.

Trong dẫn bài Tụng thứ nhất, tụng lại câu thứ tư: “không bỏ tĩnh lực” trong bốn câu sau.

Câu thứ hai tụng lại: “tánh Bồ đề của việc thứ ba” trong bốn câu trước.

Câu thứ ba tụng lại câu thứ hai trong bốn câu trước.

Câu thứ tư tụng lại câu thứ tư: “việc làm thành xong” trong bốn câu trước.

Trong bài Tụng thứ hai, câu đầu kết ba câu đổi tên thuyết khác trong bốn câu trước.

Bốn câu sau của bài tụng trong câu thứ hai.

Trước là ưa đoạn, tức là ưa giải thoát các lậu. Ưa tu, tức là hoặc ưa tịnh hạnh, ưa thiện xảo.

Câu thứ ba (chung cho) thứ tư trong bốn câu sau: “không xả vô gián ân cần trân trọng tĩnh lực, vì tu gia hạnh, nên được tâm thanh tịnh, trí thanh tịnh v.v...”

Giải thích về sự đầy khắp đã xong.

Từ đây trở xuống, là phần thứ hai, trong sự sở duyên của tịnh hạnh, trước hỏi, kế giải thích, sau là kết.

Trong phần giải thích, nêu năm môn, tức là môn năm độ quán. Sau giải thích theo thứ lớp.

Quyển này từ trên đến nay, chỉ giải thích hai môn trước, đầu tiên, trong giải thích bất tịnh có ba:

1/ Nêu rộng cử đối tượng duyên của sáu bất tịnh.

2/ Đem sáu đối tượng duyên bất tịnh để trừ năm thứ tham.

3/ Phân biệt lấy pháp đã nói.

Trong phần trước, trước là nêu, sau giải thích:

Phần nhớ bất tịnh có hai:

1/ Dựa vào trong, tức quán thân mình có ba mươi sáu vật bất tịnh.

2/ Dựa vào ngoài, thì quán thân người có mười sáu việc bất tịnh.

Khổ não bất tịnh, tức khổ thọ của cõi Dục.

Nói thuộc về thọ, nghĩa là đồng thời các thân nghiệp, ngữ nghiệp v.v...

Bất tịnh thấp kém là pháp mười tám giới của cõi Dục. Bất tịnh quán đãi là pháp của hai cõi trên. Bất tịnh phiền não là hoặc của ba cõi.

Nhanh chóng hư hoại bất tịnh, thì năm thủ uẩn vô thường.

Thứ hai, trong phần nói về trị tham, trước là nêu năm thứ tham:

1- Là tham, ái dục đối với thân mình.

2- Đối với thân người, vì sự dâm dục, mà khởi tham dâm.

3- Tham các tư cụ của ngoài cõi Dục.

4- Tham cõi Sắc.

5- Đối với ba cõi, có thân khởi tham.

Ở đây, Pháp sư Thái nói: “Đầu tiên đối với trong thân, khởi dục, vì dục nhẹ, nên gọi là dục dục. Tiếp theo khởi dục tham nặng, gọi là tham dục. Lại, đối với thân người, đầu tiên, là khởi dâm nhẹ, nên gọi là dâm dục. Kế là, khởi dâm nặng, nên gọi là tham dâm.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Đối với trong thân, lần đầu khởi dục vi của cõi Dục, nên gọi là “Dục Dục”. Kế là vì khởi tham nặng cõi Dục, nên gọi là tham dục”. Cách giải thích này đồng với Pháp sư Thái.

Lại, giải thích: “Trong thân là pháp mà mình mong muốn, nên nói: “Đối với trong thân “. Dục ở trong thân , khởi dục nên dục là tâm của chủ thể dục, đây gọi là tham dục. Chữ “Dục” đầu, thuộc về đối tượng dục (Sở dục); chữ Dục thứ hai thuộc về chủ thể dục (năng dục); chữ dục thứ ba là kết tên.

Thứ hai, là nói đối trị nhau. Trước, là nói chung về đối trị. Sau nói riêng về hai pháp:

1/ Trị tham ban đầu. Nghĩa là dựa vào bất tịnh bên trong để chữa trị bệnh tham của trong thân.

2/ Trị tham thứ hai, trong đó, trước là nói lược là do bất tịnh bên ngoài, nhằm chữa trị bệnh tham dâm ở ngoài thân. Kế là nói rộng về phương pháp đối trị chứng tham dâm. Sau là dẫn các thuyết để chứng thành.

Trong phần nói rộng, trước là nêu tham dâm có bốn:

1/ Tham hiển sắc. Nghĩa là yêu sắc mặt ửng hồng v.v...

2/ Tham hình sắc. Nghĩa là tham lưng eo, ngón tay thon dài, trán bằng phẳng, mày cao v.v...

3/ Tham sự xúc chạm êm ái.

4/ Tham thờ phụng.

Sau, nói về đối trị lẫn nhau. Nếu nói theo chánh lý, thì một quán một bộ xương đối trị cả bốn tham; vì không có cảnh bốn thứ tham trong một bộ xương. Nay luận này chỉ nói rằng chữa trị “Tham xúc chạm êm ái. Pháp sư Thái nói: “Nếu theo giải thích về duyên chết của Tiểu thừa, thì đầu tiên là quán màu xanh, sau biến thành màu đỏ, trắng. Nay, Đại thừa giải thích màu đỏ của da, v.v..., bỏ đi hình sắc của da, thịt, gọi là biến thành màu đỏ.

Đối trị tham tướng mạo. Pháp sư Cơ lại giải thích: “Đối với tham hiển sắc trắng trẻo, hồng hào, thì dùng sắc xanh, bầm tím v.v... để đối trị. Đối với hình sắc, khởi tham dài, ngắn, vuông, tròn v.v... thì dùng trừ khử da, thịt để đối trị. Nếu Tiểu thừa nói rằng, biến đổi tướng màu đỏ, nghĩa là thấy chết lúc đầu xanh, sau đổi sang màu đỏ, biến thành thân có máu đỏ, để trừ tham hình sắc”. Đại thừa giải thích: “Ở trước, màu da thịt đỏ, bỏ đi hình sắc da thịt, gọi là đổi thành màu đỏ, ngay khi biến đổi thành đỏ. Dưới đây, dẫn thuyết để chứng thành, đều dựa vào bốn thứ đường như sợ hãi v.v... Thối, Pháp sư Thái Cơ v.v... đồng nói: “Dùng hai nghĩa để giải thích:

1/ Đặt thầy chết vào chỗ im lặng, vắng vẻ không có người lui tới, nên gọi là sợ khiếp đảm. Vì thực hiện quán bất tịnh, là khả năng dẫn đến Niết-bàn, nên gọi là con đường.

2/ Trước hết, con đường run sợ đầy khiếp đảm là nhìn thấy thầy chết nọ trải qua bảy ngày, bẻ chim chóc v.v... cắn ăn rút rĩa, để so với thân của cảnh dâm, cũng có tánh chất giống như thế.

Vì dùng kinh để chứng minh cho luận, nên gọi là “hiển thị”. Một trong ba câu dưới đồng với nghĩa này, về tướng vẫn rất dễ hiểu.

3/ Đối trị tham thứ ba. Nghĩa là do thứ bất tịnh khổ não thứ ba, cho đến bất tịnh thấp kém thứ ba, làm cho tâm tham phi tình bên ngoài được thanh tịnh.

4/ Đối trị tham thứ tư. Nghĩa là do quán hạnh bất tịnh thứ tư, làm cho tâm tham đối với cõi Sắc được thanh tịnh.

5/ Đối trị tham thứ năm, nghĩa là do phiền não bất tịnh thứ năm. Và với bất tịnh hư hoại nhanh chóng thứ sáu, khiến cho tham có thân của ba cõi được thanh tịnh.

“Tham này làm đối tượng duyên của tịnh hạnh”, là thứ ba kết.

Thứ ba, trong phân biệt lấy đối tượng đã nói, với đại ý là như thế. Nếu y cứ trong năm pháp quán dừng tâm, thì “dừng” đầu tiên hay tịnh hành tham, nói chung là tất cả tham dục. Vì chung cho công hạnh đối trị, nên nói sáu thứ đối tượng duyên bất tịnh mà thôi.

Nay, bản ý trong nghĩa này, chỉ lấy thứ bất tịnh mục rã, như nhớp. Năm thứ bất tịnh còn lại, tự là đối tượng duyên hành tham của chủ thể tịnh khác kia, chứ chẳng phải đối tượng mà luận này nói.

Từ bi thương Xót thứ hai, tức là chủ thể tịnh hành sân, qua đó, trước hỏi, kể là giải thích và sau là kết.

Trong giải thích có ba:

1/ Nói chung về duyên từ. Ý ưa thích của ba phẩm hữu tình là bình đẳng, yên vui, lợi ích, công năng dẫn sinh ba phẩm: Diệu lạc, Địa định và Thắng giải.

2/ Giải thích bốn câu trong kinh đã dẫn.

3/ Nói về cảnh duyên của Từ bi với Hỷ không đồng.

Trong phần trước, đầu tiên, là nói, dựa vào ý ưa lợi ích của cõi dục, tâm “duyên” ba phẩm lợi ích bình đẳng của con người, dẫn sinh ba phẩm vui sướng của địa định, kể cả thắng giải.

Trong phần thứ hai, là giải thích về câu chung ở trước có hai chủ thể duyên, đối tượng duyên riêng: Cõi Dục là phương tiện của Từ; cõi Sắc là căn bản. Người tu hành do khởi tâm từ bình đẳng cho vui, cứu khổ. Đối với bản thân mình, tự động có thể được dẫn sinh ba phẩm thượng, trung, hạ, vui sướng thắng giải.

Kế là trong dẫn chứng bốn câu kinh, gồm có:

1/ Nêu ý ưa thích lợi ích, đối tượng duyên của ba phẩm.

2/ Chỉ rõ về ý ưa lợi ích có ba thứ tướng: không có sự oán ghét là chung; không có kẻ thù địch và không gây tổn hại, là giải thích.

3/ Nói về đối tượng dẫn. Tính lự thứ ba v.v... trở xuống, là ba thứ vui sướng. Tính lự thứ tư trở lên, vì không có vui sướng cho nên không nói.

4/ Chỉ rõ về chủ thể dẫn sinh diệu lạc, thắng giải của Địa định. Lại nữa chủ thể dẫn sinh an vui, thắng giải của địa định này đều hiện hành với tác ý của ý ưa thích tăng thượng.

Dưới đây là phần nói về cảnh duyên (Đối tượng duyên) không đồng, so với luận Trí Độ kia.

Bốn tâm vô lượng đều gọi là Từ Bi Quán. Luận này muốn giữ lấy nghĩa ấy, nên phân biệt về cảnh duyên Từ, Bi, Hỷ không đồng, do Xả là chung, nên không nói về cảnh kia.